TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2020
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Xuân Hòa

2. Bà Đậu Thị Phú

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên toà: Ông Đinh Xuân Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L. Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn H. Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/02/2020, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Bùi Văn H có quá trình tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 04/01/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hòa thuận, hạnh phúc một thời gian sau đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

là do vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi nhauvà có những lời nói thiếu tôn trọng lẫn nhau. Đến đầu năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn được ly hôn với anh H.

Về quan hệ con chung: Chị L trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên là Bùi Thị Hoài T, sinh ngày 24/12/2008, Bùi Quỳnh H, sinh ngày 10/4/2011 và Bùi Duy H, sinh ngày 10/4/2014. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 3 con chung và yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải nhiều lần cho anh Bùi Văn H nhưng anh H không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Hợp, kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã cử cán bộ liên lạc giao đầy đủ cho gia đình anh H.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, bà Trần Thị Thời và ông Bùi Văn Tiến là bố mẹ ruột của anh Bùi Văn H trình bày: Anh H đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án gửi và anh H cũng đã biết việc chị L xin ly hôn với anh H tại Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch nhưng do anh H bận công việc ở xa nên anh không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án được. Bà T và ông T cho biết anh H và chị L đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Hợp vào năm 2010, sau đó vợ chồng về sống tại nhà ông bà được khoảng gần bốn năm sau đó dọn ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 01 năm 2019 chị L cùng ba cháu tự ý về ở bên gia đình ngoại đến nay. Gia đình mong muốn vợ chồng anh H đoàn tụ để nuôi dạy con cái, nếu vợ chồng ly hôn thì chị L chịu trách nhiệm nuôi 03 con chung và chịu trách nhiệm đến khi con lớn. Vợ chồng anh H không có tài sản chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến quá trình xét xử đều thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, 51, 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch không có kiến nghị đối với vụ án này. Về nội dung vụ án: áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Bùi Văn H. Về quan hệ tình cảm: áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn với anh H.Về quan hệ con chung: Giao con chung Bùi Thị Hoài T, sinh ngày 24/12/2008, Bùi Quỳnh H, sinh ngày 10/4/2011 và Bùi Duy H, sinh ngày

10/4/2014 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và công nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn H tìm hiểu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 04/01/2010. Vì vậy quan hệ hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị L và anh H chung sống hạnh phúc một thời gian, do mâu thuẫn trong cuộc sống nên anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Chị L trình bày không còn tình cảm với anh H và mong muốn xin được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống của bản thân. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, xét xử cho chị L được ly hôn với anh H.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 16/7/2020, do anh Bùi Văn H vắng mặt lần thứ nhất nên đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai anh H tiếp tục vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh Bùi Văn H.

[2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn H có một ba chung tên là Bùi Thị Hoài T, sinh ngày 24/12/2008, Bùi Quỳnh H, sinh ngày 10/4/2011 và Bùi Duy H, sinh ngày 10/4/2014. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L có nguyện vọng mong muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng các con và thực tế chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng các con vì vậy giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng 3 con chung là hoàn toàn phù hợp. Về phần cấp dưỡng nuôi con: căn cứ Điều 58, 81, 82 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình, buộc anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi các con cùng chị L mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 9/2020.

[3] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp tiền án phí ly hôn, anh Bùi Văn H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Các Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt anh Bùi Văn H.

2. Về quan hệ tình cảm:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn H.

3. Về quan hệ con chung:

3.1. Giao con chung Bùi Thị Hoài T, sinh ngày 24/12/2008, Bùi Quỳnh H, sinh ngày 10/4/2011 và Bùi Duy H, sinh ngày 10/4/2014 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

3.2. Về phần cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Văn H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 9/2020 cho đến khi các con lần lượt tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh Bùi Văn H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật. Số tiền án phí chị L phải nộp được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số 0001233 ngày 17/02/2020. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn. Anh H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/8/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa

án niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Quảng Hợp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.